

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN BDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/02/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RP1+RC6	7:25	20+2+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	chuyen 1 rp1-rc6
2		TD5+PVD1	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
3		TD5	7:25	22	0		22	0	
4		TD5	9:25	22	0		9	0	
5		TD3	9:25	20	0		18	0	
6		PVD1 +BK3+P2 + PVD1	9:25	5 +0+16+5	0+0+0		5 +0+1 + 9	0+0+0	chuyen 1 bk3-p2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - RP1 - RC6	CREW: HUNG - VLinH - THU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PODKATILIN	TD3	20	1	6		85	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NAM CUONG	TD3	34	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN KIEM	TD3	36	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
4	LAI THE DAT	TD3	37-38	2	10		92	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM NGOC DUNG	TD3	23	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
6	LE TU HOP	TD3	31	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NHAN	TD3	30	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET HUNG	TD3	41	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THUAN	TD3	26-27	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
10	LE HUU HAU	TD3	28	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HUU VUNG	TD3	32	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TRUONG ANH	TD3	29	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN TUAN ANH	TD3	33	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN CANH THAC	TD3	17	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DAI DUONG	TD3	24-25	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN DINH NHAT	TD3	39-40	2	18		75	BAKER HU	Vietnamese
18	NGUYEN HONG SON	TD3	18-19	2	22		72	BAKER HU	Vietnamese
19	NGUYEN QUYET QUYNH	TD3	21-22	2	22		65	BAKER HU	Vietnamese
20	PHAM VIET DUNG	TD3	35	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
21	VU ANH TUAN	RP1	25	1	10	55	69	CODIEN	Vietnamese
22	ĐẶNG TUAN ANH	RP1	26	1	9		89	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	25	194	1.509	0	20		CHUYEN 01 PAX RP1 SANG RC6
2	RP1	2	2	19	158	55	0	+1	
3	RC6	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	27	213	1.667	55	20		
WEIGHT KG				213	1.667	55			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2022	TO: TD5 - PVD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: L Tuấn - Phong - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU VIỆT	TD5	99,900	2	16		60	M-I VIỆT N	Vietnamese
2	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD1	51-52	2	16		73	XNK	Vietnamese
3	TRẦN TỰ LONG	PVD1	67	1	5		66	PSV	Vietnamese
4	MAI MINH TUÂN	PVD1	63	1	10		67	PSV	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH KHAI	PVD1	65	1	10		76	PSV	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG BẢNG	PVD1	09	1	15		53	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SƠN	PVD1	55	1	5		85	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THẮNG	PVD1	53	1	10		75	PV DRILLIN	Vietnamese
9	HUYNH VĂN PHÚ	PVD1	61	1	5		74	PV DRILLIN	Vietnamese
10	VŨ NGỌC KHUYẾN	PVD1	70-71	2	17	32	70	PV DRILLIN	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC THUY	PVD1	58	1	6		79	PV DRILLIN	Vietnamese
12	LƯU VĂN LỢI	PVD1	68-69	2	18		74	PV DRILLIN	Vietnamese
13	PHẠM TRỌNG ANH	PVD1	56	1	7		65	PV DRILLIN	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THỨC	PVD1	66	1	8		85	PV DRILLIN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC HAI	PVD1	62	1	7		75	PV DRILLIN	Vietnamese
16	LÊ HỮU TƯỜNG	PVD1	57	1	5		80	PV DRILLIN	Vietnamese
17	LƯU VĂN MẠNH	PVD1	64	1	5		61	PV DRILLIN	Vietnamese
18	ĐẠM VĂN HÙNG	PVD1	73	1	5		51	PV DRILLIN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HƯƠNG	PVD1	54	1	5		60	PV DRILLIN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THẾ	PVD1	59	1	5		65	PV DRILLIN	Vietnamese
21	TRƯỜNG HUY BÌNH	PVD1	60	1	4		65	PV DRILLIN	Vietnamese
22	ĐINH QUANG TRƯỜNG	PVD1	33	1	5		61	PV DRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

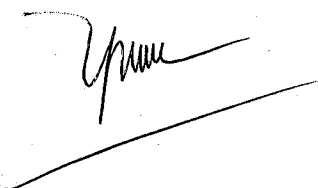
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	1	2	16	60	0	0		
2	PVD1	21	24	173	1.460	32	22		
TOTAL		22	26	189	1.520	32	22		
WEIGHT KG				189	1.520	32			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

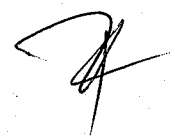
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD5	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 09:20
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN TRỌNG	TD5	76	1	10		60	M-I VIỆT N	Vietnamese
2	DAVYDOV DANIIL	TD5	68	1	4		66	KHOAN	Russian
3	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	80	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	81	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	59	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	66	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	68	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	VI HÙNG CƯỜNG	TD5	77	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	MAI TRƯỞNG TRUNG	TD5	61	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD5	69-71	3	17		74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐÀO THANH SƠN	TD5	79	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ HOÀN KIẾM	TD5	73	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	TD5	67	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	64	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	78	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	72	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
17	TÔ THANH HÙNG	TD5	82	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN CAO DANH	TD5	63	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO QUANG MINH	TD5	62	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	VÕ NGUYỄN KHANG	TD5	75	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUỆ	TD5	74	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	24	135	1.492	0	22		
	TOTAL	22	24	135	1.492	0	22		
	WEIGHT KG			135	1.492	0			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2022	TO: TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - THỤ	ETA: 11:20
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH CÔNG	TD5	99	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	93	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	88	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	89	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	16	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	95	1	7		65	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH THAO	TD5	32-33	2	19		70	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	09	1	15		65	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HUNG	TD5	31	1	10		81	DVL	Vietnamese
10	VŨ HAI THĂNG	TD5	90	1	15		75	DVL	Vietnamese
11	LY NHẬT TRƯỞNG	TD5	23	1	14		76	DVL	Vietnamese
12	ĐẠO VĂN YẾN	TD5	24	1	16		65	DVL	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC HUƠNG	TD5	20	1	5		78	DVL	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD5	200	1	13		84	DVL	Vietnamese
15	DUƠNG THẾ ĐỨC	TD5	18	1	9	20	79	DVL	Vietnamese
16	HUYNH VŨ TÍNH	TD5	14	1	12		65	DVL	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD5	01	1	10		82	DVL	Vietnamese
18	PHẠM TUNG VY	TD5	87	1	10		66	DVL	Vietnamese
19	TRẦN MINH HUNG	TD5	34	1	5		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	20	192	1.392	20	9		
TOTAL		19	20	192	1.392	20	9		
WEIGHT KG				192	1.392	20			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: TD3	CREW: LTuấn - Phong - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	42	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG MINH	TD3	44	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	43	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	53	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT THANH LUÂN	TD3	55	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	45	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN TUẤN	TD3				90	80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THAI AN	TD3	61	1	9		70	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN GIANG	TD3	60	1	10		66	DVL	Vietnamese
10	LƯƠNG XUÂN ĐUỐC	TD3	48	1	8		67	PSV	Vietnamese
11	QUÁCH ĐẮC THẠNH	TD3	49	1	4		54	PSV	Vietnamese
12	LÊ THANH CHÂU	TD3	51	1	5		72	PSV	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN THẮNG	TD3	52	1	4		52	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	50	1	8		68	PSV	Vietnamese
15	VÕ VĂN TUẤN TỰ	TD3	54	1	4		71	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN DUẬN	TD3	46	1	2		77	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	47	1	12		76	PSV	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH TỰ	TD3	56-57	2	18		59	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LINH	TD3	58-59	2	11		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	20	126	1.258	90	18		
	TOTAL	19	20	126	1.258	90	18		
	WEIGHT KG			126	1.258	90			

GRAND TOAL: 1.474 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2022	TO: BK3 - P2 - PVD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUÝ DỪNG	P2	34-35	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG YẾN	P2	88	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG SỸ	P2	96	1	18		56	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG MINH HIỆU	P2	84-85	2	10		58	XAYLAP	Vietnamese
5	TRỊNH ĐẮC HÙNG	P2	50	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN DẠNG	P2	97-98	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN HÙNG	P2	99,300	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P2	89,49	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HẠM CHUNG	P2	53-54	2	21		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC SƠN	P2	86-87	2	24		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUANG	P2	51-52	2	8		74	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOÀN HIỆP THỌ	P2	28	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH HÙNG	P2	25-26	2	14		48	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG CÔNG LINH	P2	27	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH VIỆT	P2	31	1	10	15	59	XAYLAP	Vietnamese
16	VÔ VĂN HAI	P2	29-30	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
17	HA TUẤN ANH	PVD1	44	1	4		60	PV DRILLIN	Vietnamese
18	TRẦN ANH	PVD1	46	1	5		67	PV DRILLIN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	PVD1	47	1	5		85	PV DRILLIN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TÂN	PVD1	45	1	6		62	PV DRILLIN	Vietnamese
21	LÊ VĂN QUYÊN ANH	PVD1	48	1	5		70	PV DRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	0	0	0	0	10	0	1	CHUYEN 1 PAX BK3-P2
2	P2	16	26	249	1.017	15	1		
3	PVD1	5	5	25	344	0	9		
TOTAL		21	31	274	1.361	25	10		
WEIGHT KG				274	1.361	25			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/02/2022	TO: P5 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG NGỌC LINH	P5	31	1	5		69	NAM TIEN	Vietnamese
2	VÕ HOANG QUÂN	P5	34	1	8		76	NAM TIEN	Vietnamese
3	LÊ VĂN LANH	P5	37	1	7		52	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH KHUÔNG	P5	33	1	9		69	NAM TIEN	Vietnamese
5	HOANG MINH THUẬN	P5	35	1	5		68	NAM TIEN	Vietnamese
6	LÊ QUANG PHÚC	P5	30	1	6		60	NAM TIEN	Vietnamese
7	VŨ VĂN THUẬN	P5	36	1	8		65	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGO ĐỨC TRƯỞNG	P5	29	1	6		50	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P5	32	1	10		65	NAM TIEN	Vietnamese
10	LÊ TIẾN THUẬT	P2	39	1	10		69	DUY LINH	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHAI	P2	46	1	15		93	DUY LINH	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TUÂN	P2	44	1	7		65	DUY LINH	Vietnamese
13	LÊ TIẾN TRÌNH	P2	45	1	11		54	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG DÂN	P2	36-37	2	12		74	DUY LINH	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG	P2	48	1	10		60	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	P2	42-43	2	11		74	DUY LINH	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LUÔNG	P2	38	1	8		58	DUY LINH	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NAM	P2	47	1	7		78	DUY LINH	Vietnamese
19	TRẦN VĂN DUY	P2	41	1	11		85	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH PHONG	P2	40	1	9		65	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	9	9	64	574	0	0		
2	P2	11	13	111	775	0	1		
TOTAL		20	22	175	1.349	0	1		
WEIGHT KG				175	1.349	0			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/02/2022	TO: P5 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG NGỌC LINH	P5	31	1	5		69	NAM TIEN	Vietnamese
2	VÔ HOANG QUAN	P5	34	1	8		76	NAM TIEN	Vietnamese
3	LÊ VĂN LANH	P5	37	1	7		52	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH KHUÔNG	P5	33	1	9		69	NAM TIEN	Vietnamese
5	HOÀNG MINH THUẬN	P5	35	1	5		68	NAM TIEN	Vietnamese
6	LÊ QUANG PHÚC	P5	30	1	6		60	NAM TIEN	Vietnamese
7	VŨ VĂN THUẬN	P5	36	1	8		65	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC TRƯỞNG	P5	29	1	6		50	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P5	32	1	10		65	NAM TIEN	Vietnamese
10	LÊ TIẾN THUẬT	P2	39	1	10		69	DUY LINH	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHAI	P2	46	1	15		93	DUY LINH	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TUÂN	P2	44	1	7		65	DUY LINH	Vietnamese
13	LÊ TIẾN TRÌNH	P2	45	1	11		54	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG DÂN	P2	36-37	2	12		74	DUY LINH	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG	P2	48	1	10		60	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	P2	42-43	2	11		74	DUY LINH	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LƯƠNG	P2	38	1	8		58	DUY LINH	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NAM	P2	47	1	7		78	DUY LINH	Vietnamese
19	TRẦN VĂN DUY	P2	41	1	11		85	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH PHONG	P2	40	1	9		65	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	9	9	64	574	0	0		
2	P2	11	13	111	775	0	1		
TOTAL		20	22	175	1.349	0	1		
WEIGHT KG				175	1.349	0			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN